

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: 12/2017/KDTM-ST

Ngày: 26/9/2017.

V/v Tranh chấp hợp đồng xây dựng

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Văn Tạo

Ông Hà Văn Châu

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Chí Thức là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 19/2017/TLST-KDTM ngày 25 tháng 4 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng xây dựng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 210/2017/QĐXXST-KDTM ngày 28 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty B

Địa chỉ: đường A, phường C, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh T, trú tại số đường Đ, khóm E, phường H, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, theo văn bản ủy quyền ngày 12/9/2017 (có mặt).

- Bị đơn: Công ty P.

Địa chỉ: đường T, phường C, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Tấn H – Giám đốc Công ty P (vắng mặt).

Địa chỉ: đường T, phường C, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng.

- Các người làm chứng:

1. Ông **Tiêu Kha V**, sinh năm: 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, thị trấn X, huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

2. Ông **Thái Châu C**, sinh năm: 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: đường K, khóm M, phường N, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng.

3. Ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm: 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: đường Đ, khóm Q, phường R, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng.

4. Ông **Trương Kim B**, sinh năm: 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ: đường Đ, khóm F, phường H, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng.

5. Ông **Phan Việt H**, sinh năm: 1956 (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

6. Ông **Nguyễn Việt H**, sinh năm: 1971 là Giám đốc Công ty X (có mặt).

Địa chỉ: đường B, khóm J, phường N, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 04/4/2017 của nguyên đơn Công ty B và lời trình bày của Nguyễn Thanh T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình xét xử thì:*

Công ty B và Trường Cao đẳng cộng đồng S có ký kết hợp đồng số 27/2016/HĐXD ngày 13/5/2016 về việc thi công công trình tại gói thầu số 6: Nhà học, Văn phòng khoa khoa học cơ bản B1, B2 thuộc công trình Trường Cao đẳng cộng đồng S giai đoạn 2012-2015, tại địa chỉ: thị trấn X, huyện X, tỉnh Sóc Trăng. Đến ngày 15/7/2016 Công ty B ký kết hợp đồng giao khoán nhân công số 06/2016/HĐ-TC với Công ty P, giá trị hợp đồng là 2.584.805.000 đồng, nội dung hợp đồng là Công ty P thực hiện việc thi công xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng công trình: Trường cao đẳng cộng đồng S, hạng mục: Nhà học văn phòng Khoa khoa học cơ bản B1, B2. Khối lượng công việc kèm theo phụ lục hợp đồng là Bảng khối lượng giao khoán. Thời gian thi công là 04 tháng từ ngày 01/8/2016 đến ngày 30/11/2016. Tuy nhiên, đến ngày 28/11/2016 hai bên thỏa thuận ký phụ lục hợp đồng số 28/2016/PL.HĐ-TC điều chỉnh thời gian hoàn thành theo hợp đồng là 15/12/2016. Sau khi ký phụ lục hợp đồng, Công ty P chỉ thực hiện công trình đến ngày 02/12/2016 thì ngưng và các bên chưa thanh lý hợp đồng. Ngày 05/12/2016 Công ty B có lập biên bản về việc Công ty P ngưng thi công có đại diện Công ty B là ông Trương Thanh T, Nguyễn Văn L và ông Tiêu Kha V, ông Thái Châu C là công nhân của Công ty B ký tên vào biên bản. Ngày 06/12/2016 Công ty B đã gửi Công ty P thông báo số 77/VB.TB.16 ngày 06/12/2016 với nội dung đề nghị thực hiện theo hợp đồng và phụ lục hợp đồng đã ký kết, công trình: Trường cao đẳng cộng đồng S nhưng Công ty P vẫn không tiếp tục thực hiện các hạng mục còn lại trong hợp đồng. Nên ngày 05/12/2016 Công ty B đã tiếp tục thực hiện các hạng mục còn dang dở này và đã bàn giao công trình cho chủ đầu tư Trường Cao đẳng cộng đồng S vào ngày 12/12/2016. Thực hiện hợp đồng, Công ty B đã thanh toán cho Công ty P 07 lần ủy nhiệm chi với số tiền 2.181.704.000 đồng.

Do Công ty P đã vi phạm điều 7 của hợp đồng về việc ngưng thi công 03 ngày không có lý do và vi phạm chưa bàn giao công trình cho Công ty B. Nay

Công ty B yêu cầu Công ty P thực hiện nộp phạt cho Công ty B số tiền 20% giá trị hợp đồng (2.584.805.000 đồng) với số tiền 516.961.000 đồng và không yêu cầu tính lãi, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

- *Tại biên bản ghi lời khai ngày 07/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng và lời trình bày của ông Phạm Tấn H là người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty P trong quá trình giải quyết vụ án thì:*

Công ty P thống nhất với lời trình bày của Công ty B về thời gian ký kết hợp đồng, phụ lục hợp đồng, nội dung và giá trị hợp đồng. Tuy nhiên, việc Công ty B cho rằng Công ty P chậm thi công công trình 03 ngày là không chính xác vì sau ký hợp đồng và phụ lục hợp đồng thì Công ty P đã thực hiện công trình liên tục đến ngày 15/12/2016 là hoàn thành công trình, cùng ngày này ông H có điện thoại cho ông Trương Thanh T - Phó giám đốc Công ty B đến để nghiệm thu và bàn giao công trình nhưng Công ty B không xuống công trình để nghiệm thu vì cho rằng còn những lỗi nhỏ chưa đạt yêu cầu nên Công ty B không xuống công trình để nghiệm thu. Công ty P đã thực hiện hết nội dung theo bảng khối lượng giao khoán kèm theo hợp đồng số 06/2016/HĐ-TC ngày 15/7/2016. Do đó, không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Để thực hiện công trình này Công ty P có thuê các đội thi công trong đó có đội thi công của ông Trương Kim B, địa chỉ: đường Đ, khóm F, phường H, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng. Thực hiện hợp đồng thì Công ty B còn nợ Công ty P số tiền 484.000.000 đồng, Công ty P yêu cầu Công ty B thanh toán cho Công ty P số tiền còn nợ này.

- *Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng trình bày ý kiến:*

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các điều 68; 70; 71; 72; 86 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Riêng bị đơn và các người làm chứng ông B, ông C, ông L, ông V vắng mặt tại phiên tòa không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Do người đại diện theo pháp luật của bị đơn ông Phạm Tấn H và các người làm chứng ông Tiêu Kha V, ông Thái Châu C, ông Nguyễn Văn L, ông Trương Kim B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ vào Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện theo pháp luật của bị đơn ông Phạm Tấn H và những người làm chứng này.

[2] Về nội dung: Công ty P và Trường cao đẳng cộng đồng S có ký kết hợp đồng số 27/2016/HĐXD ngày 13/5/2016 về việc thi công công trình tại gói thầu số 6: Nhà học, Văn phòng khoa khoa học cơ bản B1, B2 thuộc công trình trường Cao đẳng cộng đồng S giai đoạn 2012-2015, tại địa chỉ: thị trấn X, huyện X, tỉnh Sóc Trăng. Đến ngày 15/7/2016 Công ty B ký kết hợp đồng giao khoán nhân công số 06/2016/HĐ-TC với Công ty P, giá trị hợp đồng là 2.584.805.000 đồng, nội dung hợp đồng là Công ty P thực hiện việc thi công xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng công trình: Trường cao đẳng cộng đồng tỉnh S, hạng mục: Nhà học văn phòng Khoa khoa học cơ bản B1, B2; khối lượng công việc kèm theo phụ lục hợp đồng là Bảng khối lượng giao khoán. Thời gian thi công là 04 tháng từ ngày 01/8/2016 đến ngày 30/11/2016. Tuy nhiên, ngày 28/11/2016 hai bên thỏa thuận ký phụ lục hợp đồng số 28/2016/PL.HĐ-TC điều chỉnh thời gian hoàn thành theo hợp đồng là 15/12/2016.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty B về việc yêu cầu Công ty P phải nộp phạt 20% giá trị hợp đồng (2.584.805.000 đồng) với số tiền 516.961.000 đồng và không yêu cầu tính lãi, do Công ty P **ngưng thi công công trình 03 ngày không có lý do**. Công ty P không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì cho rằng Công ty P đã thực hiện hoàn thành các nội dung tại Bảng khối lượng giao khoán và sau khi ký phụ lục hợp đồng Công ty P đã thực hiện công việc liên tục đến ngày 15/12/2016. Xét thấy, Công ty B đã cung cấp cho Tòa án biên bản về việc Công ty P ngừng thi công được lập lúc 09 giờ 30 phút ngày 05 tháng 12 năm 2016 tại Văn phòng Công ty B và thông báo số 77/VB.TB.16 ngày 06/12/2016 của Công ty B gửi Công ty P với nội dung đề nghị thực hiện theo hợp đồng và phụ lục hợp đồng đã ký kết, công trình: Trường cao đẳng cộng đồng S. Xét nội dung của biên bản 05/12/2016 do nguyên đơn cung cấp thì, nguyên đơn cho rằng Công ty P ngưng thi công ngày 02/12/2016 nhưng đến ngày 05/12/2016 thì mới lập biên bản, biên bản không lập tại công trình mà lập tại trụ sở Công ty B và chỉ có ông Trương Thanh T là Phó Giám đốc Công ty B, ông Nguyễn Văn L, cán bộ kỹ thuật, ông Tiêu Kha V, ông Thái Châu C là công nhân của Công ty B ký xác nhận không có chữ ký xác nhận của đại diện Công ty P. Vì vậy, việc lập biên bản này chưa đảm bảo tính khách quan. Đối với thông báo số 77/VB.TB.16 ngày 06/12/2016 của Công ty B, **tại biên bản ghi lời khai ngày 13/9/2017**, ông H trình bày là Công ty P không có nhận được thông báo này. Tại tòa ông T trình bày khi Công ty B đến gửi thông báo này cho Công ty P thì Công ty P đóng cửa nên chỉ để lại trước cửa Công ty P, hai bên không có lập biên bản giao nhận, Công ty B không có chứng cứ gì chứng minh đã gửi thông báo này cho Công ty P.

[4] Hơn nữa, tại phiên Tòa ông T trình bày ngày 02/12/2016 khi Công ty P ngưng thi công công trình thì đến ngày 05/12/2016 Công ty B mới thực hiện các hạng mục còn dang dở như: Lát gạch vỉa hè, đá mài cầu thang..., nhưng theo nhật ký thi công công trình Trường cao đẳng cộng đồng tỉnh S, hạng mục: Nhà học văn phòng Khoa khoa học cơ bản B1, B2, quyển số 03 từ trang 210 (03/12/2016) đến 219 (11/12/2016) thì Công trình được thực hiện liên tục không có nghỉ ngày nào, cụ thể theo nhật ký công trình thì ngày 03/12/2016 thực hiện các công việc: Nghiệm thu công việc bê tường trong và ngoài nhà, lan can; Đổ bê tông bản đáy bể nước ngầm, đá 1x2; Định vị mặt bằng hầm tự hoại 1,2,3; Tô đá mài cầu thang 02, thang, 03; Lát gạch nền...; Ngày 04/12/2016 thực hiện các công việc: Nghiệm thu công tác sơn cửa, lan can; đổ bê tông đá 1x2 bản đáy hầm tự hoại 1,2,3, thành bể nước ngầm; lát gạch; tô đá mài cầu thang, lắp đặt thiết bị điện...;

[5] Đồng thời, tại phiên tòa Công ty B cung cấp cho Tòa án sổ giao vật tư do ông Phan Việt H lập, ông H là thủ kho của Công ty B được giao nhiệm vụ giữ và giao vật tư cho đơn vị thi công Công ty P là ông Trương Kim B trực tiếp ký nhận thể hiện:

Ngày 04/12/2016 giao chú B sắt Ø10 = 20 cây;

Ngày 10/12/2016 giao chú B:

+ 01/ sắt Ø 10 = 20 cây;

+ 02/ sắt Ø 8 = 40 cây;

+ 03/ kẽm buộc 25kg;

Ngày 13/12/2016 giao chú B:

+ 01/ Sắt Ø 6 = 65kg;

+ 02/ sắt Ø 10 = 5 cây;

+ 03/ Sắt Ø 12 = 17 cây.

Theo sổ giao vật tư này, thì sau ngày 02/12/2016 Công ty P vẫn còn nhận vật tư để thi công công trình.

[6] Vì vậy, lời trình bày của Công ty B cho rằng Công ty P ngưng thi công công trình Trường cao đẳng cộng đồng S kể từ ngày 02/12/2016 là không có căn cứ, mâu thuẫn các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận.

[7] Tại biên bản ghi lời khai ngày 07/7/2017, ông Phạm Tấn H trình bày, ông yêu cầu Công ty B thanh toán cho Công ty P số tiền thi công công trình còn nợ là 484.000.000 đồng, ngày 13/7/2017 Tòa án ban hành thông báo số 683/TB-TA về việc yêu cầu Công ty P làm đơn yêu cầu nhưng Công ty P không thực hiện. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét yêu cầu này, dành quyền khởi kiện thành vụ án khác nếu Công ty P có yêu cầu.

[8] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Yêu cầu của Công ty B không được chấp nhận nên Công ty B phải chịu án phí với số tiền là 24.678.440 đồng. Công ty P không phải chịu án phí sơ thẩm.

[9] Như đã phân tích nêu trên lời đề nghị của Viện kiểm sát là **có cơ sở chấp nhận.**

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, **khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228**, khoản 2 Điều 229 và khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 422 Bộ luật Dân sự 2005.

Căn cứ Điều 138, Điều 140, Điều 146 Luật xây dựng 2014.

Căn cứ Khoản 1, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty B về việc yêu cầu Công ty P phải nộp phạt 20% giá trị hợp đồng với số tiền là 516.961.000 đồng.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty B phải chịu số tiền 24.678.440 đồng (hai mươi bốn triệu, sáu trăm bảy mươi tám ngàn bốn trăm bốn mươi đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.339.200 đồng theo biên lai thu số 0007028 ngày 19/4/2017 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, Công ty B còn phải nộp thêm tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 12.339.240 đồng.

Công ty P không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND – TP P;
- Thi hành án DS – TP P;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Thị Bích Tuyền